

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 503/2025/HC-PT
Ngày 27 tháng 11 năm 2025
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa
án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ
Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ
lý số 198/2025/TLPT-HC ngày 07/10/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 của Tòa
án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1822/2025/QĐPT-HC
ngày 29 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số H, tổ C, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường
T, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh P: Ông Nguyễn
Hoàng D, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà H, tổ C, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là
phường T, tỉnh Đồng Tháp).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ) (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Nguyễn Minh Đ – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Tháp) (vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Tháp) (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Tháp) (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Nguyễn Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Nguyễn Thanh P trình bày:*

Nguồn gốc trước năm 1973, cha vợ ông là ông Lê Văn T sử dụng phần đất diện tích 982,5m², tại ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cha vợ ông chuyển đi nơi khác sinh sống, vợ chồng ông về thửa đất nói trên, xây nhà ở trên đất và sử dụng thửa đất liên tục cho đến nay.

Do không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), năm 2012 gia đình ông khiếu nại UBND thành phố M yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông toàn bộ thửa đất. Ngày 23/7/2012, UBND thành phố M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3551/QĐ-UBND chấp nhận một phần yêu cầu khiếu nại: Đồng ý cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông phần diện tích có nhà ở và công trình phụ là 239,5m²; phần diện tích đất trống còn lại đã có chủ trương xây dựng Nhà văn hóa xã P nên không được cấp GCNQSDĐ nhưng cho gia đình ông sử dụng tạm thời cho đến khi có quyết định thu hồi đất thực hiện dự án.

Tuy nhiên, khi thực hiện công trình xây dựng Nhà văn hóa xã P thành phố M, ngày 27/12/2019, UBND thành phố M ra Thông báo số 7926/TB-UBND thu hồi đất của ông diện tích 166,1m² để thực hiện công trình xây dựng Nhà văn hóa xã P; thu hồi của ông Lê Văn T 117,9m²; thu hồi của ông Ứng Phước L là 116,2m².

Ông P không đồng ý nội dung Thông báo số 7926/TB-UBND ngày 27/12/2019 về việc thu hồi đất của ông diện tích 166,1m². Ngày 16/01/2020, ông

P làm đơn khiếu nại UBND thành phố M, yêu cầu xác định diện tích đất của ông bị thu hồi là 400m² và cho rằng thu hồi của ông Lê Văn T1 117,9m²; thu hồi của ông Ứng Phước L là 116,2m² là không đúng quy định pháp luật.

Ngày 10/3/2020, Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định số 1296/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh P, nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thanh P, giữ nguyên Thông báo số 7926/TB-UBND ngày 27/12/2019 về việc thu hồi đất của ông diện tích 166,1m².

Ngày 06/4/2020, ông P có đơn khiếu nại Quyết định số 1296/QĐ- UBND của Chủ tịch UBND thành phố M về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh P.

Ngày 08/4/2024, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 598/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Thanh P, nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thanh P về việc yêu cầu điều chỉnh diện tích đất thu hồi của ông để thực hiện xây dựng công trình Nhà văn hóa xã P là 400m² (bao gồm cả phần đất thu hồi của ông L và ông T1); Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1296/QĐ- UBND của Chủ tịch UBND thành phố M về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Thanh P.

Ông P không đồng ý quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T nên ngày 30/9/2024, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh P.

2. Buộc UBND thành phố M điều chỉnh diện tích thu hồi đất của ông Nguyễn Thanh P diện tích đất từ 166,1m² thành 400m²;

3. Buộc UBND thành phố M thu hồi số tiền đã bồi thường cho ông T1 và ông L đối với phần diện tích đất của ông P.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh T có ý kiến:*

Theo Công văn 7692/UBND-BTCD ngày 03/12/2024, đối với các nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P, UBND tỉnh T có ý kiến như sau:

Thực hiện dự án xây dựng Nhà văn hóa xã P, UBND thành phố M thu hồi 400,2m² gồm: thu hồi đất của ông Nguyễn Thanh P diện tích 166,1m²; của ông Lê Văn T1 117,9m²; thu hồi của ông Ứng Phước L là 116,2m². Toàn bộ diện tích đất thu hồi là đất công do UBND xã quản lý nhưng cho các hộ dân sử dụng (không được cấp GCNQSDĐ). Qua xác minh, đối chiếu hồ sơ quản lý đất đai xác định nguồn gốc diện tích đất các hộ đang sử dụng là đất công do UBND xã P kê khai, quản lý; theo hồ sơ 299 là đất nghĩa địa thuộc một phần thửa đất số 1503; theo hồ sơ địa chính 1/5000 thuộc một phần thửa 1918, tờ bản đồ số 02, theo trích đo địa chính thửa đất thì diện tích thửa đất trên có tổng diện tích là 982,5m². Quá trình sử dụng đất cụ thể như sau:

- Khoảng năm 1973, ông Lê Văn T là cha vợ ông Nguyễn Thanh P có khai phá và cất nhà ở diện tích khoảng 45m², đến năm 1979 thì sửa chữa và xây dựng

thêm 02 căn nhà. Năm 1981, ông T qua đời căn nhà giao lại cho B quản trị tập đoàn sử dụng, đến năm 1987 thì vợ chồng ông P về sử dụng căn nhà nói trên. Đến khoảng năm 1994, thì ông P có trồng dừa trên diện tích đất phía sau nhà. Ngày 28/7/2015, ông Nguyễn Thanh P được UBND thành phố M cấp GCNQSDĐ diện tích đất 239,5m².

- Năm 1994, ông Lê Văn T1 có đơn xin nhượng một phần đất thổ cư để xây dựng nhà ở và được UBND xã P chấp nhận. Năm 2004, ông Lê Văn T1 cất nhà trên đất làm tiệm sửa xe, diện tích thực đo 117,9m².

- Năm 1994, ông Ứng Hưng L1 có đơn xin nhượng một phần đất thổ cư để xây dựng nhà ở và được UBND xã P chấp nhận, có thu tiền của ông Ứng Phước L 1.000.000 đồng (ông Ứng Hưng L1 ủy quyền nộp thay). Sau đó, ông Ứng Hưng L1 cho ông Ứng Phước L quản lý sử dụng, diện tích thực đo 116,2m².

- Phần diện tích đất trống còn lại diện tích khoảng 444m² cho ông P tạm thời sử dụng không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thực hiện dự án xây dựng Nhà văn hóa xã P, theo kết quả đo đạc diện tích thực đo 400,2m² gồm: đất của ông Nguyễn Thanh P trực tiếp sử dụng diện tích 166,1m²; của ông Lê Văn T1 sử dụng 117,9m²; ông Ứng Phước L sử dụng là 116,2m².

Ngày 27/12/2019 UBND thành phố M ra Thông báo số 7926/TB-UBND thu hồi đất của ông Nguyễn Thanh P diện tích 166,1m² để thực hiện công trình xây dựng Nhà văn hóa xã P (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 03/10/2019 do ông Nguyễn Thanh P ký tên xác nhận đúng hiện trạng sử dụng đất).

Ngày 16/01/2020, ông P làm đơn khiếu nại Thông báo thu hồi đất số 7926/TB-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố M.

Ngày 10/3/2020, Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định số 1296/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh P, nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thanh P, giữ nguyên Thông báo số 7926/TB-UBND ngày 27/12/2019 về việc thu hồi đất của ông diện tích 166,1m².

Ngày 06/4/2020, ông P có đơn khiếu nại Quyết định số 1296/QĐ- UBND của Chủ tịch UBND thành phố M về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh P.

Trên cơ sở xác định phần đất thu hồi của ông Nguyễn Thanh P, ông Lê Văn T1, ông Ứng Phước L đang sử dụng là đất công do Nhà nước quản lý. Vì vậy, ngày 08/4/2024, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 598/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Thanh P, nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thanh P về việc yêu cầu điều chỉnh diện tích đất thu hồi của ông để thực hiện xây dựng công trình Nhà văn hóa xã P là 400m² (bao gồm cả phần đất thu hồi của ông L và ông T1); Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1296/QĐ- UBND của Chủ tịch UBND thành phố M về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Thanh P.

Quan điểm của UBND tỉnh T là giữ nguyên Quyết định số 598/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Thanh P.

** Người bị kiện UBND thành phố M có ý kiến:*

Thực hiện dự án xây dựng Nhà văn hóa xã P, UBND thành phố M giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố chủ trì, phối hợp các ngành có liên quan ký hợp đồng thuê đơn vị đo đạc đúng ranh giới, diện tích đất của ông Nguyễn Thanh P sử dụng, không chồng lấn với diện tích đất đã thu hồi đối với 02 hộ Lê Văn T1 và Ứng Phước L để làm cơ sở xác định giá đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Thanh P. Theo Mẫu trích đo địa chính số 303-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố M lập ngày 03/10/2019 và duyệt ngày 29/11/2019 là Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất dự kiến thu hồi của ông Nguyễn Thanh P để xây dựng công trình Nhà văn hóa xã P, diện tích 166,1m² thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 37, có chữ ký xác nhận của chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Thanh P.

Căn cứ Quyết định số 8772/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND thành phố M về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Nhà văn hóa xã P, thành phố M; Mẫu trích đo địa chính số 303-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố M duyệt ngày 29/11/2019; Tờ trình số 1582/TTR-TNMT ngày 24/12/2019, của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M đề nghị và đến ngày 27/12/2019, UBND thành phố M ban hành Thông báo số 7926/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình Nhà văn hóa xã P, thành phố M đối với ông Nguyễn Thanh P diện tích 166,1m² thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 37 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật đất đai năm 2013. Đồng thời, hồ sơ ban hành Thông báo thu hồi đất đúng thành phần quy định tại Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T2, gồm: “Tờ trình kèm theo dự thảo thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này; Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thu hồi để thực hiện dự án; Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án”.

Ông Nguyễn Thanh P khiếu nại Thông báo số 7926/TB-UBND ngày 27/12/2019, cũng như yêu cầu xác định diện tích đất thu hồi, bồi thường thực hiện công trình Nhà văn hóa xã P không có cơ sở nên ngày 10/3/2020, UBND thành phố M đã ban hành Quyết định số 1296/QĐUBND về việc giải quyết khiếu nại của ông P, nội dung bác đơn khiếu nại, giữ nguyên Thông báo số 7926/TB-UBND ngày 27/12/2019 về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình Nhà văn hóa xã P, thành phố M đối với ông Nguyễn Thanh P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang, đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, điểm a, khoản 2, Điều 116, Điều 143, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 66, Điều 67 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định

148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Thanh P.

- Yêu cầu buộc Ủy ban thành phố M thực hiện hành vi hành chính điều chỉnh diện tích thu hồi đất của ông Nguyễn Thanh P từ 166,1m² thành 400m²;

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thanh P về việc buộc Ủy ban thành phố M thu hồi số tiền đã bồi thường cho ông T1 và ông L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2025, người khởi kiện là ông Nguyễn Thanh P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Nguyễn Thanh P, đại diện ủy quyền của ông P đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung:

Ngày 27/12/2019 UBND thành phố M ban hành Thông báo số 7926/TB-UBND thu hồi diện tích 166,1m² đất của ông P để thực hiện công trình xây dựng nhà văn hóa xã P. Ông P không đồng ý với Thông báo 7926 của UBND thành phố M vì cho rằng phần đất mà UBND thành phố M thu hồi của ông Lê Văn T1 117,9m² và thu hồi của ông Ứng Phước L là 116,2m² là của ông P; Nên ông P khiếu nại yêu cầu UBND thành phố điều chỉnh diện tích thu hồi của ông từ 166,1m² thành 400m²; Ngày 16/01/2020, Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định 1296/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần đầu và ngày 08/4/2024, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định 598/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông P. Theo đó, Thông báo số 7926 và Quyết định 1296 là quyết định hành chính liên quan đến quyết định hành chính bị kiện (Quyết định 598) nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính hợp pháp đối với Thông báo số 7926:

[4.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Theo hồ sơ 299 thì diện tích đất các hộ ông P đang sử dụng 166,1m², ông Lê Văn T1 sử dụng 117,9m² và ông Ứng Phước L sử dụng diện tích 116,2m² là đất nghĩa địa thuộc một phần thửa đất số 1503 là đất công; Theo hồ sơ địa chính 1/5000 thuộc một phần thửa 1918, tờ bản đồ số 02, theo trích đo địa chính thửa đất thì diện tích thửa đất trên có tổng diện tích là 982,5m² do UBND xã P kê khai, quản lý ngày 09/7/2008. Gia đình ông P có quản lý, sử dụng thửa đất từ năm 1994 đến nay nhưng gia đình ông P hoàn toàn không đăng ký kê khai đối với thửa đất này mà do UBND xã P đăng ký kê khai. Quá trình sử dụng ông P có cất nhà ở trên đất nên Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 của UBND thành phố M về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hoàng D (con ông P), năm 2015 ông P được UBND thành phố M cấp GCNQSDĐ với diện tích đất 239,5m² đối với phần có nhà ở công trình xây dựng; Phần diện tích đất còn lại theo Quyết định số 3551/QĐ-UBND nêu rõ: *“Riêng đối với phần diện tích đất trống do gia đình ông D sử dụng sau năm 1994, hiện đã có chủ trương quy hoạch xây dựng Nhà văn hóa xã P nên không cấp GCNQSDĐ, nhưng cho gia đình ông D tạm thời sử dụng theo hiện trạng đến khi có quyết định thu hồi đất thực hiện dự án theo quy định”*. Ông P thống nhất và cam kết không có khiếu nại đối với Quyết định 3551 này. Cho thấy, tính đến ngày Quyết định 3551 có hiệu lực thì phần đất còn lại chưa được cấp GCNQSDĐ, được xác định là đất công và đã có chủ trương quy hoạch xây dựng Nhà văn hóa xã P.

Sau đó, ngày 11/9/2020, Tổ Giúp việc 2801 có Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát số 767/BC-TGV, trong đó đã xác định: “Phần đất bà Lê Thị G (vợ ông Nguyễn Thanh P), ông Lê Văn T1 và ông Ứng Hưng L1 đang sử dụng, tọa lạc ấp P, xã P là đất công do nhà nước quản lý”.

[4.2] Về quá trình thực tế sử dụng đất:

Tại Quyết định số 3551 ngày 23/7/2012 của UBND thành phố M đã xác định: Thửa 1918, tờ bản đồ số 02, theo trích đo địa chính thửa đất thì diện tích thửa đất trên có tổng diện tích là 982,5m² gồm: Phần ông P có công trình nhà ở được UBND thành phố M cấp GCNQSDĐ diện tích đất 239,5m², ông Lê Văn T1 cất nhà trên đất làm tiệm sửa xe, diện tích thực đo 117,9m² và ông Ứng Phước L quản lý sử dụng, diện tích thực đo 116,2m²; Phần diện tích đất trống còn lại có diện tích khoảng 444m² cho ông P tạm thời sử dụng, không cấp GCNQSDĐ.

Theo kết quả kiểm kê, đo đạc thực tế của Dự án xây dựng công trình Nhà văn hóa xã P có diện tích là 400,2m² gồm: Phần đất do ông Nguyễn Thanh P trực tiếp sử dụng có diện tích là 166,1m²; Phần đất do ông Lê Văn T1 trực tiếp sử dụng là 117,9m² và phần đất do ông Ứng Phước L sử dụng là 116,2m².

Theo Mảnh trích đo địa chính số 303-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố M lập ngày 03/10/2019 và duyệt ngày 29/11/2019 là Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất dự kiến thu hồi của ông P để xây dựng công trình Nhà văn hóa xã P, diện tích 166,1m² thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 37, có chữ ký xác nhận của chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Thanh P.

Qua các chứng cứ trên cho thấy thực tế phần đất ông P đang sử dụng bị thu hồi để xây dựng Nhà văn hóa xã P có diện tích là 166,1m².

Do đó, để thực hiện xây dựng công trình Nhà văn hóa xã P thì ngày 27/12/2019, UBND thành phố M ban hành Thông báo số 7926/TB-UBND về việc thông báo thu hồi diện tích 166,1m² thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 37 của ông Nguyễn Thanh P là đúng quy định tại khoản 2 Điều 66, khoản 1 Điều 67 Luật đất đai năm 2013 và Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T2.

[5] Đối với các Quyết định giải quyết khiếu nại số 1296 và 598:

[5.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 06/4/2020, Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định số 1296/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần đầu và ngày 08/4/2024, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 598/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Thanh P là trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 21, Điều 29, Điều 30, Điều 36, Điều 37, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

[5.2] Về nội dung:

Như nhận định nêu trên, việc UBND thành phố M ban hành Thông báo số 7926/TB-UBND về thu hồi diện tích 166,1m² của ông P là đúng quy định của pháp

luật. Do đó, Quyết định số 1296/QĐ-UBND về giải quyết khiếu lần đầu và Quyết định số 598/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Thanh P có nội dung bác yêu cầu của ông P, giữ nguyên Thông báo 7926 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P về việc buộc UBND thành phố M thực hiện hành vi điều chỉnh diện tích thu hồi đất của ông P diện tích từ 166,1m² thành 400m².

Như đã nhận định tại mục [4], việc UBND thành phố M ban hành Thông báo số 7926 về thông báo thu hồi diện tích 166,1m² do ông P đang trực tiếp sử dụng là phù hợp với kết quả kiểm kê, đo đạc thực tế, phù hợp Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và đúng quy định của pháp luật. Nên, việc ông P yêu cầu buộc UBND thành phố M điều chỉnh diện tích thu hồi từ 166,1m² thành 400m² (bao gồm cả phần đất do ông Lê Văn T1 và ông Ứng Phước L) sử dụng là không có cơ sở chấp nhận.

Do vậy, việc ông P yêu cầu buộc Ủy ban thành phố M thực hiện hành vi hành chính điều chỉnh diện tích đất thu hồi của ông để thực hiện xây dựng công trình Nhà văn hóa xã P là 400m² (bao gồm cả phần đất thu hồi của ông L và ông T1) là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố M thu hồi số tiền đã bồi thường cho ông T1 và ông L đối với phần diện tích đất xây dựng công trình Nhà văn hóa xã P, do ông P đã tự nguyện rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của ông P là phù hợp.

[8] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh P là người cao tuổi nên không phải theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 66, Điều 67 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Thanh P.

- Yêu cầu buộc Ủy ban thành phố M thực hiện hành vi hành chính điều chỉnh diện tích thu hồi đất của ông Nguyễn Thanh P từ 166,1m² thành 400m²;

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thanh P về việc buộc Ủy ban thành phố M thu hồi số tiền đã bồi thường cho ông T1 và ông L.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh P không phải nộp.

5. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (3)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh